

Thứ ba, ngày 13 tháng 8 năm 2019

## Vietnam Daily Review

Điều chỉnh theo xu hướng thế giới

### Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/8/2019		•	
Tuần 12/8-16/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

### Nhận định:

**Thị trường:** Trong phiên sáng, áp lực bán gia tăng tại các mã cổ phiếu trụ cột thị trường như VIC, VHM, GAS đã kéo chỉ số xuống dưới mốc tham chiếu. Trong phiên chiều, một số cổ phiếu giảm mạnh trong phiên sáng có dấu hiệu mở rộng đã giảm và đẩy chỉ số về ngưỡng 966.83 điểm. Thị trường có phiên điều chỉnh mạnh theo xu hướng chung trong khu vực. Điểm sáng trong phiên giao dịch hôm nay đến từ việc thanh khoản có dấu hiệu hồi phục nhẹ. Tâm lý của nhà đầu tư bị ảnh hưởng chủ yếu bởi bất ổn địa chính trị tại Hong Kong và những lo ngại về giảm tăng trưởng toàn cầu do chiến tranh thương mại. Trong những phiên tới, nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục dao động trong vùng giá 960 – 980 điểm.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng trung hạn và quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 13/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ. PNJ đang tiếp cận ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng, và có thể điều chỉnh kỹ thuật trong ngắn hạn khi tiếp cận ngưỡng kháng cự 90. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là PNJ có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

### Danh mục i-Invest: Theme\_Cổ phiếu hết room ngoại\_+1.0%.

Danh mục Cổ phiếu hết room ngoại hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.0%, đi ngược với xu hướng giảm điểm của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục MSCI frontier 100 Việt Nam giảm theo đà thị trường -1.4%.

### Phân tích kỹ thuật: CVT\_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

### Điểm nhấn

- VN-Index **-8.48 điểm**, đóng cửa 966.83. HNX-Index **-0.53 điểm**, đóng cửa 102.29.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.50); TCB (+0.43); PLX (+0.28); CTG (+0.28); MBB (+0.19).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.87); SAB (-0.24); VNM (-0.20); VIC (-0.20); CTG (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,294.87 tỷ đồng, **+25.43%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.06 điểm. Thị trường có **108** mã tăng và **209** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **302.36 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VJC (118.41 tỷ), GAS (42.88 tỷ) và VNM (35.28 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.06 tỷ đồng**.

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

**VN-INDEX 966.83**

Giá trị: 3294.87 tỷ **-8.48 (-0.87%)**

Khối ngoại (ròng): -302.36 tỷ

**HNX-INDEX 102.29**

Giá trị: 269.12 tỷ **-0.53 (-0.52%)**

Khối ngoại (ròng): -3.06 tỷ

**UPCOM-INDEX 57.15**

Giá trị: 398.76 tỷ **-0.78 (-1.35%)**

Khối ngoại (ròng): -12.66 tỷ

### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.2	0.47%
Giá vàng	1,524	0.86%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,003	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	22,050	0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	7.81%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	18.9	VJC	117.4
MSN	7.0	GAS	42.9
SAB	6.4	VNM	35.2
GEX	5.9	HPG	33.6
NVL	5.0	VHM	22.8

Nguồn: BSC Research

<b>Tổng quan thị trường</b>	Trang 1
<b>Phân tích kỹ thuật</b>	Trang 2
<b>Tín hiệu hàng hóa</b>	Trang 3
<b>Thị trường phái sinh</b>	Trang 4
<b>Cổ phiếu lớn</b>	Trang 5
<b>Thống kê thị trường</b>	Trang 6
<b>Báo cáo mới nhất</b>	Trang 7
<b>iBroker</b>	Trang 8
<b>i-INVEST</b>	Trang 9
<b>Khuyến cáo sử dụng</b>	Trang 10

# Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme\_Cổ phiếu hết room ngoại\_+1.0%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	3.8%	5.2%	6.6%	6.5%	6.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.6%	1.8%	0.0%	1.3%	3.0%	2.7%
Hàng tiêu dùng	0.0%	2.6%	4.9%	5.1%	7.2%	14.1%
Ngân hàng	0.0%	1.5%	1.2%	1.9%	2.1%	-5.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	2.9%	0.1%	1.3%	0.7%	0.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.3%	-3.5%	-1.4%	5.4%	20.6%
Nước & Năng lượng	-0.1%	1.7%	-5.1%	-3.8%	0.8%	12.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	3.1%	-0.8%	0.1%	5.7%	11.8%
Xây dựng	-0.2%	0.5%	-4.9%	-7.2%	-9.3%	-11.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	1.5%	-4.8%	-7.0%	-2.5%	-5.7%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.4%	0.4%	-3.6%	-4.8%	-2.4%	-4.8%
Dầu khí	-1.2%	1.2%	-5.0%	-6.2%	5.0%	-0.6%
Chiến tranh thương mại	-1.3%	-0.3%	-3.3%	-0.3%	1.0%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.4%	0.0%	-1.7%	-3.6%	-0.6%	0.4%

<b>VNINDEX</b>	<b>-0.9%</b>	<b>0.2%</b>	<b>-0.9%</b>	<b>-0.9%</b>	<b>1.5%</b>	<b>-1.1%</b>
<b>VN30INDEX</b>	<b>-0.5%</b>	<b>1.4%</b>	<b>0.3%</b>	<b>-0.5%</b>	<b>-2.2%</b>	<b>-7.4%</b>

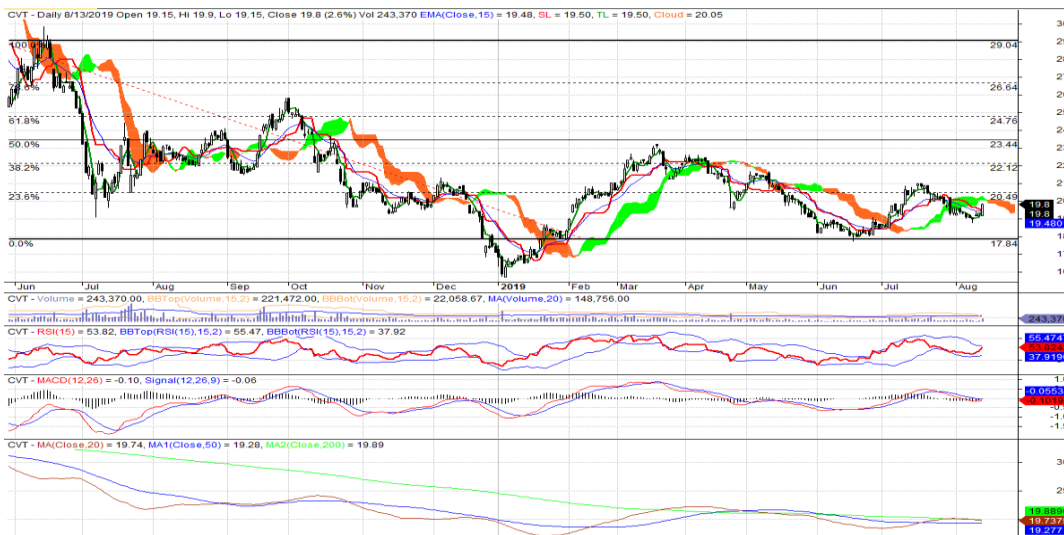
## Phân tích kỹ thuật

CVT\_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường trung tâm và đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, chạm kênh Bollinger trên.
- Đường MAs: MA20 cắt xuống MA200 và hướng về MA50.

**Nhận định:** Cổ phiếu CVT đã hình thành mô hình 2 đáy trung hạn với ngưỡng đáy sau cao hơn ngưỡng đáy trước. Chỉ báo RSI đang báo hiệu xu hướng tích cực trong khi chỉ báo MACD cho thấy tín hiệu đảo chiều tích cực. Đường giá cổ phiếu nằm dưới dải mây Ichimoku và đang kiểm tra lại ngưỡng MA200 cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn vẫn chưa hình thành. Như vậy, vị thế tăng mạnh CVT sẽ được xác lập khi cổ phiếu này vượt ngưỡng giá 20 với lượng thanh khoản lớn. Động lực tăng sẽ giúp cổ phiếu hồi phục và kiểm tra vùng giá 23-24.

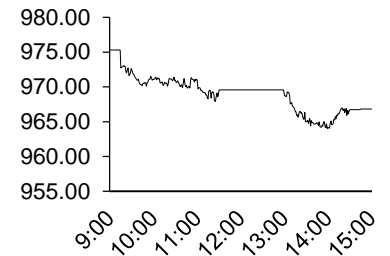


Lê Quốc Trung

[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

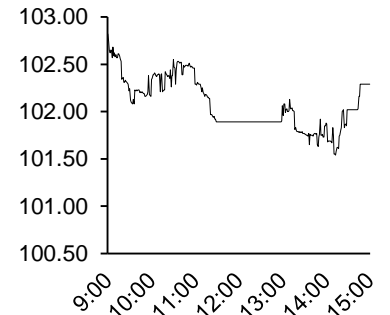
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-2.83%
Điện, nước & xăng dầu khí đ	-1.70%
Y tế	-1.46%
Bất động sản	-1.35%
Hóa chất	-1.32%
Dịch vụ tài chính	-0.98%
Du lịch và Giải trí	-0.90%
Xây dựng và Vật liệu	-0.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.72%
Thực phẩm và đồ uống	-0.65%
Ngân hàng	-0.54%
Bảo hiểm	-0.51%
Tài nguyên Cơ bản	-0.43%
Ô tô và phụ tùng	-0.21%
Công nghệ Thông tin	-0.01%
Bán lẻ	0.55%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.56%
Dầu khí	0.69%

Nguồn: FinPro

**Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/08/2019**

*Mặt hàng	DVT	Sáng 13/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.70	0.40%	0.01%	-9.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.40	-0.27%	-2.37%	-12.50%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	-0.67%	-3.43%	-14.05%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1512.65	0.91%	3.34%	6.99%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.08	0.77%	4.20%	11.08%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	858.30	-1.32%	0.95%	-4.82%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	470.68	-5.96%	-4.82%	-7.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.57	-0.23%	0.75%	1.38%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	193.00	-0.16%	0.78%	-16.23%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.59	-2.28%	-1.95%	-3.90%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	-1.08%	-1.08%	15.06%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	93.50	-3.91%	-2.25%	-14.06%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.58	-0.19%	1.78%	-4.63%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3779.00	2.50%	-6.85%	0.51%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1771.00	-0.39%	0.06%	-4.27%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	94.00	-1.05%	-16.44%	-21.01%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	71.80	-0.42%	-2.91%	-4.05%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

**Thông tin nổi bật**

**Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 08/08 ổn định ở mức 58.57 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 0.43 USD lên 54.93 USD/thùng.
- Giá dầu ít thay đổi trong ngày do kỳ vọng các nhà sản xuất lớn sẽ tiếp tục giảm nguồn cung vì lo ngại nhu cầu tiêu thụ tăng chậm chạp gây ra bởi chiến tranh thương mại Mỹ-Trung. Tuy nhiên, thị trường tiềm ẩn nhiều yếu tố hỗ trợ giá dầu tăng lên như đồng bạc xanh giảm giá, tình hình căng thẳng giữa Mỹ và Iran.

**Giá vàng**

- Vàng giao ngay tăng 0.6% lên 1,505.92 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ tăng 0.6% lên 1,517.20 USD/ounce.
- Giá vàng tăng lên trên mức tâm lý 1.500 USD/ounce, do thị trường chứng khoán trượt dốc vì lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tranh chấp thương mại Mỹ - Trung. Chứng khoán Mỹ bị kéo xuống bởi các cổ phiếu tài chính, khi các nhà đầu tư tránh xa các vụ cá cược rủi ro vì lo ngại rằng cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc kéo dài có thể buộc nền kinh tế toàn cầu suy thoái.

**Giá quặng sắt**

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 5.6% xuống 609.50 CNY; mức thấp nhất kể từ ngày 11/6, trước khi giảm 1.1% xuống còn 638.50 CNY.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Đại Liên đã giảm xuống mức thấp nhất trong 2 tháng qua, phiên giảm thứ 8 liên tiếp, trong bối cảnh lo ngại về nhu cầu chậm lại khi tình sản xuất thép hàng đầu của Trung Quốc Hà Bắc thắt chặt các yêu cầu thoát khí thải.

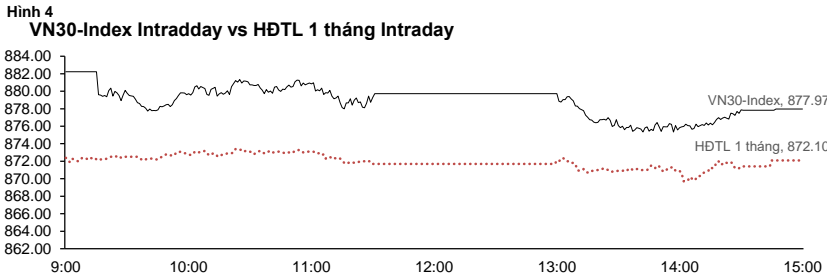
**Giá nông sản**

- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2019 đã giảm 3.8 cent, tương đương 3.9%, còn 93.50 cent/lb. Giá cà phê Robusta cùng kỳ hạn đã giảm 27 USD, tương đương 2.1%, xuống mức 1,269 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica tại Chicago đã giảm xuống mức thấp nhất 1 tháng do vụ mùa lớn và đồng real của Brazil giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối tháng 5.

**Giá cao su**

- Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 9.9% lên 9,260 CNY/tấn vào lúc mở cửa phiên giao dịch sau đó giảm nhẹ còn 9,810 CNY vào cuối phiên giao dịch.

**Thị trường hợp đồng tương lai**



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Bảng 3**  
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	872.10	-0.30%	-5.87	-2.7%	46468	8/15/2019	4
VN30F1909	867.50	-0.42%	-10.47	100.5%	14368	9/19/2019	39
VN30F1912	869.30	-0.65%	-8.67	-71.7%	47	12/19/2019	130
VN30F2003	870.00	-0.75%	-7.97	54.8%	48	3/19/2020	221

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Nhận định:**

• VN30 Index giảm 4.26 điểm xuống mức 877.97 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, VJC, VHM, và VCB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 có phiên điều chỉnh và vận động dưới ngưỡng kháng cự 880 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy VN30 vẫn đang tích lũy và chưa xác nhận xu hướng rõ ràng.

• Các HDTL đều giảm theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1908 và VN30F1912 đang giảm, trong khi VN30F1909 và VN30F2003 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1908, các hợp đồng khác đều đang tăng. Điều này cho thấy kỳ vọng tăng giá đang tăng trong trung hạn. Khối lượng giao dịch và vị thế mở của VN30F1908 đang giảm đi khi hợp đồng này sắp đến ngày đáo hạn 15/8. Sự quan tâm của nhà đầu tư được chuyển hướng sang VN30F1909. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng trung hạn và quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	28	5:1	121,700	0.0%	1,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	46	1:1	109,580	-55.4%	3,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	126	1:1	80,910	-17.1%	1,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	48	1:1	182,640	49.5%	1,000,000
CMWG1902	VND	12/11/2019	120	4:1	8,710	-77.2%	2,400,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	139	1:1	60,350	-3.8%	1,000,000
CFPT1902	SSI	9/30/2019	48	1:1	64,490	-58.7%	1,000,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	139	1:1	212,540	180.0%	1,000,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	139	1:1	88,320	-47.7%	2,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	29	2:1	175,010	-18.8%	2,000,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	28	2:1	55,180	-66.8%	2,000,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	27	4:1	117,020	4.2%	1,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	139	5:1	290,360	-0.7%	2,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	120	5:1	434,380	10.1%	3,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	30	2:1	67,140	102.0%	1,500,000
CVNM1901	KIS	12/13/2019	122	10:1	480,020	11.9%	5,000,000

**Chú thích:**  
\* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%  
Độ lệch chuẩn là 28.77%  
\*\* Tỷ lệ chuyển đổi

**Nhận định:**

• Trong phiên giao dịch ngày 13/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

• CPNJ1901 và CMBB1901 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 15.70% và 7.92%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 6.74%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 19% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. PNJ đang tiếp cận ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng, và có thể điều chỉnh kỹ thuật trong ngắn hạn khi tiếp cận ngưỡng kháng cự 90. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là PNJ có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

**Tô Quang Vinh**  
vinhtq@bsc.com.vn

**Bảng 1**  
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.65	1.98	1.27
MBB	22.20	1.37	0.53
PNJ	87.00	1.52	0.32
MWG	117.80	0.68	0.32
REE	36.00	3.45	0.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Bảng 2**  
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	118.0	-2.16	-1.83
VIC	118.1	-1.58	-1.12
VJC	132.5	-1.49	-0.76
VHM	82.9	-1.54	-0.64
VCB	76.3	-1.80	-0.58

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,700	2,800	15.70%	1,720
1,900	2,590	7.92%	1,766
3,200	3,190	6.33%	1,507
2,200	2,100	5.00%	1,271
2,990	9,450	3.85%	7,307
3,300	3,660	3.10%	2,108
3,800	7,300	2.82%	6,814
14,000	33,080	1.97%	29,472
6,000	10,000	1.73%	7,591
1,900	3,810	1.60%	3,835
1,200	1,100	0.92%	562
2,000	7,900	0.64%	7,452
2,700	5,830	0.17%	4,926
1,000	520	-5.45%	0
1,500	840	-6.67%	490
1,200	690	-11.54%	9

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	117,800
CHPG1901	47,999	22,900	23,450
CHPG1902	168,888	41,999	23,450
CHPG1903	22,100	23,200	23,450
CMBB1901	23,700	20,600	22,200
CMBB1902	26,300	21,800	22,200
CMWG1902	48,990	90,000	117,800
CPNJ1901	26,300	77,981	87,000
CVNM1901	47,200	158,888	118,000
CFPT1902	96,981	46,000	52,500
CFPT1903	57,000	46,000	52,500
CHPG1904	98,800	23,100	23,450
CHPG1905	93,300	23,100	23,450
CMWG1903	25,800	95,000	117,800
CMWG1904	165,000	90,000	117,800
CFPT1901	27,000	45,000	52,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.8	0.7%	0.7	2,267	4.6	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	87.0	1.5%	1.0	842	3.8	4,727	18.4	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.3	-0.9%	1.3	2,356	0.5	1,503	51.4	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	38.0	0.8%	0.7	382	0.4	3,061	12.4	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.1	-1.6%	1.1	17,181	1.6	1,673	70.6	4.8	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.9	-1.6%	1.1	3,534	2.6	1,033	33.8	2.9	32.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.7	-0.3%	0.8	2,415	1.8	3,579	16.7	2.7	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	36.0	3.4%	1.0	485	3.7	5,261	6.8	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	13.5	11.0%	1.4	254	1.3	2,838	4.8	1.1	48.3%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.9	-1.4%	1.3	484	1.1	1,997	10.9	1.2	58.7%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.6	0.3%	1.0	238	0.2	5,067	6.6	1.5	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	19.6	-2.5%	1.4	260	0.8	1,434	13.7	1.4	56.5%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.5	0.4%	0.8	1,548	5.1	4,349	12.1	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	42.0	-1.4%	0.4	454	0.0	3,778	11.1	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.0	-2.0%	1.5	8,322	2.2	6,019	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	63.2	1.3%	1.5	3,217	1.9	3,271	19.3	3.7	13.1%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.5	-1.4%	1.7	426	2.2	2,351	8.7	0.8	24.1%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.9	-2.0%	0.8	1,335	0.4	1,163	8.5	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	-2.1%	0.5	534	0.1	4,602	20.4	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.0	-2.8%	0.7	238	0.4	838	16.7	0.7	20.0%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	0.0%	0.7	186	0.1	894	9.0	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.3	-1.8%	1.3	12,304	2.7	4,730	16.1	3.7	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	34.9	-1.3%	1.5	5,188	1.2	2,107	16.6	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.6	1.2%	1.6	3,335	2.1	1,470	14.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.1	0.5%	1.2	2,040	2.5	2,965	6.4	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.2	1.4%	1.1	2,040	4.2	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.9	-0.5%	1.1	1,544	0.5	3,438	6.4	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.5	-1.4%	0.9	180	0.6	5,040	10.0	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	39.0	-2.3%	0.4	151	0.1	4,490	8.7	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	-1.2%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.5	-0.6%	1.0	2,815	6.6	2,898	8.1	1.5	38.3%	19.9%
HSG	Thép	6.8	-1.5%	1.5	124	0.5	425	15.9	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	118.0	-2.2%	0.8	8,934	6.1	5,465	21.6	7.3	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	277.0	0.9%	0.8	7,723	0.4	6,735	41.1	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.6	-0.5%	1.2	3,842	1.2	3,304	22.9	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.0	0.0%	0.5	365	1.1	542	29.5	1.4	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	82.5	-2.4%	0.8	7,809	1.5	2,630	31.4	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.5	-1.5%	1.1	3,120	3.0	9,850	13.5	5.1	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	39.2	-0.5%	1.7	2,417	0.6	1,747	22.4	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.2	-1.6%	0.8	351	1.6	1,888	14.4	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	0.0%	0.6	213	0.7	2,505	6.9	1.2	30.7%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.9	-0.7%	0.9	586	1.1	7,458	11.5	4.4	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	0.0%	0.9	370	0.2	1,333	14.3	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	-0.7%	0.8	249	0.1	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	99.2	-2.7%	0.7	329	0.3	13,465	7.4	0.9	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	-0.4%	1.1	507	0.2	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.2	-0.7%	0.5	228	0.2	485	43.6	1.0	52.6%	2.4%
POW	Điện	12.9	-3.0%	0.6	1,313	1.5	820	15.7	1.2	14.9%	7.8%
NT2	Điện	24.9	1.2%	0.6	312	0.2	2,241	11.1	1.8	22.3%	16.9%

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	277.00	0.95	0.49	35660.00
TCB	20.65	1.98	0.41	2.10MLN
PLX	63.20	1.28	0.31	691380.00
CTG	20.60	1.23	0.28	2.31MLN
MBB	22.20	1.37	0.19	4.40MLN

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVX	1.40	7.69	0.02	2.57MLN
VCR	24.20	10.00	0.02	752700.00
IDV	38.00	4.97	0.02	15800.00
MBG	9.00	9.76	0.02	5500.00
SDG	37.60	9.94	0.01	59800.00

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	118.10	-1.58	-1.88	310330.00
VCB	76.30	-1.80	-1.53	809300.00
VNM	118.00	-2.16	-1.34	1.18MLN
VHM	82.90	-1.54	-1.29	723240.00
GAS	100.00	-1.96	-1.13	499630.00

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.90	-0.45	-0.17	574000.00
PVS	20.50	-1.44	-0.08	2.50MLN
CEO	10.30	-2.83	-0.05	752500.00
API	20.50	-8.48	-0.03	1400.00
NTP	39.00	-2.26	-0.03	45400.00

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXG	13.50	10.98	0.14	2.27MLN
RIC	5.35	7.00	0.00	250.00
SMA	16.05	7.00	0.01	2520.00
HRC	48.80	6.90	0.03	2190.00
VIS	19.40	6.89	0.03	1770.00

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	1.10	10.0	0.00	190800.00
KSQ	2.20	10.0	0.01	500.00
VCR	24.20	10.0	0.02	752700.00
SDG	37.60	9.9	0.01	59800.00
NAP	14.60	9.8	0.01	100.00

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIP	33.95	-6.99	-0.02	265550.00
SII	20.10	-6.94	-0.03	60.00
VOS	1.76	-6.88	-0.01	216940.00
VTB	14.90	-6.88	0.00	490.00
SZL	53.10	-6.84	-0.02	219190.00

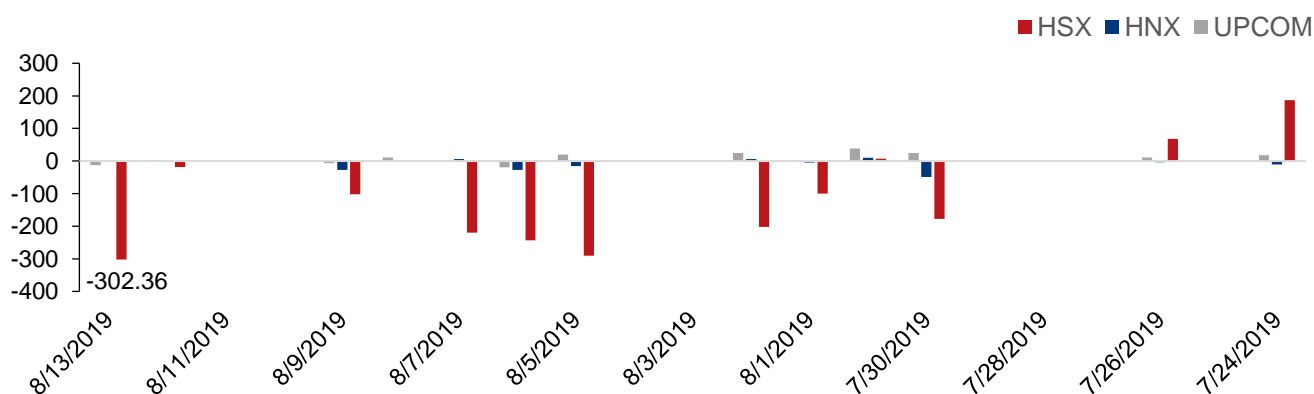
### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	3800.00
DST	0.90	-10.00	0.00	88800.00
VNT	39.60	-10.00	-0.01	24500.00
L61	10.10	-9.82	0.00	1600.00
VC9	11.10	-9.76	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



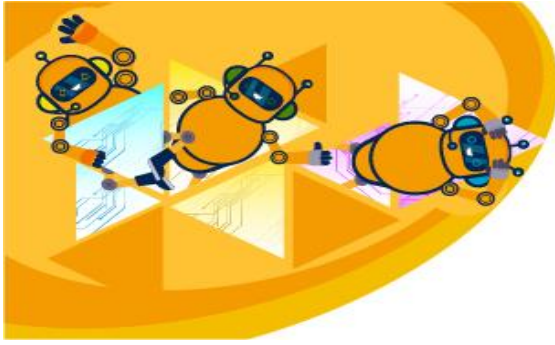
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		<a href="#">Click</a>
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		<a href="#">Click</a>

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	51.9	5,276	9.8	2.8	<a href="#">Click</a>
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.0	4,234	6.6	0.9	<a href="#">Click</a>
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.9	3,438	6.4	1.5	<a href="#">Click</a>
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	19.6	3,754	5.2	1.4	<a href="#">Click</a>
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	15.9	0.5	<a href="#">Click</a>
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		50.9	4,314	11.8	3.5	<a href="#">Click</a>
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.6	3,304	22.9	2.8	<a href="#">Click</a>
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.3	7,716	20.4	10.5	<a href="#">Click</a>
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.2	1,888	14.4	1.3	<a href="#">Click</a>
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.8	7,893	14.9	5.0	<a href="#">Click</a>
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	32.1	3,751	8.6	1.7	<a href="#">Click</a>
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	<a href="#">Click</a>
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	84.8	18,452	4.6	1.7	<a href="#">Click</a>
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	20.6	1,294	15.9	1.6	<a href="#">Click</a>
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	17.5	3,481	5.0	1.2	<a href="#">Click</a>
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	17.9	2,655	6.7	0.8	<a href="#">Click</a>
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	52.5	4,349	12.1	2.7	<a href="#">Click</a>
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.5	3,149	7.5	1.2	<a href="#">Click</a>
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	35.1	8,518	4.1	2.0	<a href="#">Click</a>
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.0	2,589	8.9	1.7	<a href="#">Click</a>



**TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER**  
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



**Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



**Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



**Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



**Trợ lý phái sinh (hòa):** cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

**Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày**

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>59500</b> ; Giá tại Publish <b>50000</b> Năm 2019, BSC dự báo DTT và LNTT của FPT lần lượt đạt 26,808 tỷ (+15.5% YoY) và 4,609 tỷ (+19% YoY). EPS FW 2019 sẽ đạt 4,643 VND/cp (+19% YoY) (đã trích quỹ khen thưởng và phúc lợi). Catalyst bao gồm: tăng trưởng từ làn sóng Chuyển đổi số và tăng chuỗi giá trị dịch vụ từ các thương vụ Mua bán và Sát nhập.
Express KBC 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>18150</b> ; Giá tại Publish <b>15400</b> Nửa cuối năm 2019 mảng KCN vẫn sẽ tiếp tục có khả năng tăng trưởng tốt nhờ vào 2 khu công nghiệp Quang Châu và Tân Phú Trung. KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh có vị trí địa lý hấp dẫn thu hút khách thuê. Chúng tôi cho rằng ngay khi KCN này hoàn thành thủ tục pháp lý sẽ là nguồn cung mới thu hút cho KBC năm 2020.
Express NDN 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu N/A; Giá tại Publish <b>18300</b> Khả năng tăng trưởng lợi nhuận đột biến nhờ dự án Mornachy Block B. Trên BCTC bán niên 2019, khoản trả trước của người mua dự án này là 1,357.18 tỷ đồng. Tài chính lành mạnh, tỷ lệ sử dụng nợ vay thấp (24.2 tỷ, tương đương 1.2% tổng tài sản) nhờ chiếm dụng vốn từ các dự án bất động sản.
Express DIG 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>16000</b> ; Giá tại Publish <b>13050</b> Kết quả kinh doanh được kỳ vọng tăng tốc từ cuối năm 2019. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của DIG lần lượt đạt 2,880 tỷ đồng (+17% yoy) và 553 tỷ đồng (+29.2% yoy) dựa trên giả định hạch toán (1) 20% phần còn lại dự án DIC-Phoenix (DT ước đạt 343 tỷ đồng), (2) Giả định hạch toán được 20% dự án GateWay (DT ước đạt 575 tỷ đồng) và (3) Dự án Nam Vĩnh Yên GD1 đóng góp khoảng 800 tỷ doanh thu.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>93400</b> ; Giá tại Publish <b>76300</b> BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.



**BSC Invest**  
Your Money. You invest

- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

**I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM**

[Tìm hiểu thêm](#)

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

## Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
<b>Chủ đề</b>	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	3.8%	5.2%	6.6%	6.5%	6.1%	76.5%	162.9%
BĐS & Khu công nghiệp	0.6%	1.8%	0.0%	1.3%	3.0%	2.7%	44.8%	100.9%
Hàng tiêu dùng	0.0%	2.6%	4.9%	5.1%	7.2%	14.1%	70.8%	200.4%
Ngân hàng	0.0%	1.5%	1.2%	1.9%	2.1%	-5.6%	65.1%	126.7%
Chiến tranh thương mại	-1.3%	-0.3%	-3.3%	-0.3%	1.0%	14.9%	15.0%	127.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.4%	0.0%	-1.7%	-3.6%	-0.6%	0.4%	85.6%	133.4%
<b>* Note</b>	Danh mục <b>Cổ phiếu hết room ngoại</b> hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng <b>+1.0%</b> , đi ngược với xu hướng giảm điểm của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục <b>MSCI frontier 100 Việt Nam</b> giảm theo đà thị trường <b>-1.4%</b> .							
<b>Mục tiêu</b>	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 2	1.0%	3.5%	2.2%	0.6%	2.3%	2.7%	80.7%	254.8%
Danh mục 10	0.0%	3.8%	1.9%	3.7%	6.0%	1.9%	54.5%	128.0%
Danh mục 15	-0.1%	4.1%	3.3%	2.8%	2.1%	4.2%	68.3%	145.1%
Danh mục 13	-1.2%	2.5%	-1.6%	-2.4%	-3.4%	0.7%	27.7%	111.2%
Danh mục 7	-1.2%	1.4%	-1.2%	-0.3%	-0.5%	4.7%	44.5%	128.0%
<b>* Note</b>	Có 2/5 Danh mục mục tiêu có hiệu suất ngày <b>tăng</b> , đi ngược với đà giảm của thị trường.							
<b>Khẩu vị Rủi ro</b>	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	0.7%	4.2%	4.7%	6.4%	8.9%	2.5%	63.6%	155.0%
Danh mục 21	-0.3%	4.2%	1.0%	1.4%	5.6%	2.1%	50.4%	57.7%
Danh mục 19	-0.5%	3.2%	2.9%	3.1%	6.6%	9.5%	54.5%	121.1%
Danh mục 20	-1.3%	1.8%	-1.0%	0.1%	-1.2%	7.4%	17.1%	159.4%
Danh mục 25	-1.5%	1.2%	5.5%	7.9%	18.3%	39.6%	190.5%	230.6%
<b>* Note</b>	Hầu hết các danh mục Rủi ro đều có hiệu suất ngày <b>giảm</b> theo đà thị trường.							
<b>INDEX</b>								
VNINDEX	-0.9%	0.2%	-0.9%	-0.9%	1.5%	-1.1%	47.4%	59.7%
VN30INDEX	-0.5%	1.4%	0.3%	-1.7%	-2.5%	-8.5%	36.9%	35.1%

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

